

LUẬT MA HA TĂNG KỲ

QUYỂN 5

Phần 1: GIỚI PHÁP CỦA TỖ KHEO

Đoạn 2: NÓI VỀ 13 PHÁP TĂNG TÀN

1. GIỚI CỐ Ý LÀM XUẤT TINH

Bấy giờ, Phật trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Khi ấy, có một Tỳ-kheo tên Thi-lợi-da-bà ở tại thành Xá-vệ, có niềm tin, từ bỏ gia đình xuất gia, đến giờ khát thực, thầy khoác y, cầm bát vào thành khát thực. Vì thầy không khéo khâu giữ thân, miệng, ý, buông lỏng các căn, nhưng mới vào một nhà đã nhận được thức ăn đầy đủ, thầy bèn vào nhà thứ hai, tại nhà thứ hai này, có một phụ nữ đang cời trần ngồi một mình. Thầy Tỳ-kheo thấy thế rồi trở về lại trú xứ, tưởng nhớ đến thân thể người phụ nữ ấy, tâm ý rối loạn, ưu sầu phát bệnh, sắc mặt tiêu tụy. Khi ấy, các Tỳ-kheo hỏi Thi-lợi-da-bà: “Nay thầy vì sao sắc mặt tiêu tụy, ưu sầu không vui? Có cần đến sữa, dầu, đường phèn, thuốc thang gì chăng?”. Đáp: “Không cần, tự nhiên sẽ khỏi thôi”.

Các Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di thăm hỏi, thầy cũng đều nói thế. Thầy ấy nghỉ trưa, sau khi trở dậy, lòng tơ tưởng, nam căn khởi lên, bèn dùng tay cọ xát, liền bị xuất tinh. Sau khi tinh xuất, thầy thấy an lạc, ưu sầu liền dứt, thầy bèn suy nghĩ: “Phương pháp này tốt thật, có thể dứt được mối lo mà không phương hại gì đến việc xuất gia tịnh tu phạm hạnh, nhận đồ thí chủ cúng dường”.

Đức Thế Tôn vì năm việc lợi ích, nên cứ năm hôm đi tuần tra tăng phòng một lần. Năm việc lợi ích đó là:

1. Xem các đệ tử Thanh văn có vướng mắc vào các việc hữu vi hay không.
2. Xem họ có bàn luận việc thế tục không.
3. Xem họ có ham mê ngủ nghỉ làm phương hại đến việc hành đạo không.

4. Xem có Tỳ-kheo nào đau ốm không.

5. Để cho các Tỳ-kheo tuổi trẻ mới xuất gia thấy uy nghi tề chỉnh của Đức Như Lai mà sinh tâm hoan hỷ.

Chính vì năm việc này mà Đức Như Lai cứ năm hôm đi xem xét các phòng một lần.

Lúc ấy, Trưởng lão Thi-lợi-da-bà ngủ trưa thức dậy, bèn ra phòng phía sau đi tiểu, thì nam căn cương cứng. Đức Thế Tôn sợ thầy kinh sợ xấu hổ, nên lên tiếng đảnh hắng để thầy hay biết. Khi Thi-lợi-da-bà thấy Thế Tôn, bèn vội vàng khoác y, bước theo đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng hầu.

Bấy giờ, Thế Tôn hỏi Thi-lợi-da-bà: “Trước đây thầy mắc bệnh, mặt mày tiêu tụy, do duyên cớ gì mà nay hết bệnh?”.

Thầy liền bạch với Phật: “Bạch Thế Tôn! Con sinh ra tại thành Xá-vệ, con có niềm tin từ bỏ gia đình xuất gia. Bà con quen biết cung cấp cho con y phục giường nệm thuốc men không thiếu thứ gì. Một hôm con khoác y cầm bát vào thành khát thực, đến một nhà kia, thấy một phụ nữ cỡi trâu đang ngồi. Sau khi thấy thế con trở về lại tinh xá, lòng dục ray rứt, cảm thấy không vui, thân thể phát bệnh nên không muốn ăn uống gì cả. Lúc đó, các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di đến thăm hỏi an ủi con, ai cũng muốn cho con uống thuốc, nhưng con bảo không cần. Một hôm, con ngủ trưa thức dậy, thấy nam căn cương cứng, con dùng tay thủ dâm, tinh liền xuất ra. Sau khi xuất tinh, con ngủ an ổn, bệnh liền dứt hết. Con bèn suy nghĩ: “Phương pháp này rất tốt, có thể trừ được mối lo, mà không phương hại đến việc xuất gia, nhận đồ thí chủ cúng dường”. Bạch Thế Tôn! Vì thế mà được lành bệnh, thân thể an ổn, tu phạm hạnh dễ dàng”.

Phật nói: “Này kẻ ngu si, điều đó thật không thể được. Điều đó không phải phạm hạnh mà bảo là phạm hạnh, không phải an ổn mà cho là an ổn. Này kẻ ngu si! Vì sao dùng bàn tay ấy nhận đồ người ta bố thí, rồi lại dùng bàn tay ấy thủ dâm cho xuất tinh? Người há không nghe ta dùng vô số phương tiện chê trách tưởng dục, ca ngợi sự đoạn dục sao? Nay người đã làm một việc ác không tốt. Đó là điều phi pháp, phi luật chẳng phải điều ta dạy, không thể dùng việc ấy để nuôi lớn pháp thiện được”.

Thế rồi Phật truyền cho các Tỳ-kheo sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo như sau:

- Nếu Tỳ-kheo cố ý làm xuất tinh, thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ nói rộng như trên. Lúc ấy, Trưởng lão Thi-lợi-da-bà thường hay phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa, hoặc Ba-dật-đề, hoặc Ba-la-đề-đề-xá-ni hoặc tội Việt-tỳ-ni phải sám hối. Các Tỳ-kheo thấy Trưởng lão thường hay phạm các tội phải sám hối như vậy, nên nói với Trưởng lão: “Trưởng lão! Đức Thế Tôn đã chế định các tội phạm sai biệt rồi, vì sao thầy còn khinh thường hay vi phạm như thế?”. Thi-lợi-da-bà nói: “Thưa các Trưởng lão! Tôi phạm tội phải sám hối mà không than mỗi một, quý vị nhận sự sám hối của tôi thì có gì là vất vả?”.

Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Thi-lợi-da-bà đến. Sau khi thầy đến, Phật liền hỏi: “Ông thường thường phạm các tội Tăng-già-bà-thi-sa v.v... và nói với các Tỳ-kheo: “Tôi phạm tội phải sám hối mà không thấy mỗi một, quý vị nhận sự sám hối của tôi thì có gì là vất vả?”. Có thật thế chăng?”. Đáp: “Có thật như vậy bạch Thế Tôn”.

Phật liền nói với Thi-lợi-da-bà: “Đó là việc ác, từ nay trở đi, nếu phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa thì phải thi hành pháp Ma-na-đỏa sáu ngày sáu đêm trong chúng Tỳ-kheo. Sau khi thi hành pháp Ma-na-đỏa phải làm phép xuất tội giữa hai mươi vị Tỳ-kheo”.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên, Thi-lợi-da-bà thường thường phạm các tội Tăng-già-bà-thi-sa, bèn suy nghĩ: “Thế Tôn chế giới phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa thì phải thi hành pháp Ma-na-đỏa sáu ngày sáu đêm. Sau khi thi hành pháp Ma-na-đỏa rồi, phải làm phép xuất tội giữa hai mươi vị Tỳ-kheo. Nay ta phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa mà không ai biết thì khỏi thi hành sáu ngày sáu đêm Ma-na-đỏa, không thi hành sáu ngày sáu đêm Ma-na-đỏa thì cũng khỏi làm phép xuất tội giữa hai mươi vị Tỳ-kheo. Nay ta nên che giấu”.

Nhưng sau khi che giấu, thầy thấy nghi ngờ, hối hận liền thâm nghĩ: “Ta là kẻ bất thiện, rất trái với luật pháp. Vì sao kẻ bất thiện nam có lòng tin xuất gia, biết Phật chế giới mà cố ý vi phạm, rồi che giấu? Giả sử những người sống phạm hạnh không biết đi chẳng nữa, thì chư Thiên biết được tâm người khác, há lại không biết hay sao? Giả như chư Thiên không biết thì Đức Thế Tôn há lại không biết hay sao?”. Thế rồi, thầy liền nói với các Tỳ-kheo: “Cho tôi pháp Ma-na-đỏa”. Các Tỳ-kheo hỏi: “Vì sao thầy cầu xin pháp Ma-na-đỏa?”.

Đáp: “Tôi phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa”.

Các Tỳ-kheo hỏi: “Từ lúc phạm đến giờ đã bao lâu?”.

Đáp: “Chừng ấy thời gian”.

Lại hỏi: “Vì sao không nói liền với người khác?”.

Đáp: “Vì tôi hổ thẹn, nên không nói liền. Nhưng tôi lại nghĩ: “Đức Thế Tôn chế giới, ai phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa thì phải thi hành pháp Ma-na-đỏa sáu ngày sáu đêm v.v”... cho đến nghĩ: “Nếu chư Thiên không biết đi chẳng nữa, thì Đức Thế Tôn há lại không biết hay sao? Vì lẽ đó mà nay tôi nói với các Trưởng lão”.

Các Tỳ-kheo bèn đem việc này bạch đầy đủ lên Đức Thế Tôn. Phật dạy: “Hãy gọi Thi-lợi-da-bà đến”. Khi thầy đến rồi, Phật liền hỏi đầy đủ các việc trên: “Ông có thật thế chẳng?”. Đáp: “Có thật như thế, bạch Thế Tôn”.

Phật nói: “Này kẻ ngu si! Đó là việc ác. Đã phạm giới mà không biết hổ thẹn, sám hối”.

Thế rồi Thế Tôn đọc kệ:

*Che giấu thì hoen ố.
Bày tỏ không hoen ố
Thế nên ai che giấu,
Phải khiến họ bày tỏ.*

Phật liền nói với các Tỳ-kheo:

- Từ nay trở đi, ai phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa mà che giấu thì phải bắt họ thực hiện pháp Ba-lợi-bà-sa. Thực hiện pháp Ba-lợi-bà-sa xong phải bắt họ thi hành sáu ngày sáu đêm pháp Ma-na-đỏa. Sau khi thi hành pháp Ma-na-đỏa phải cho họ xuất tội giữa hai mươi vị Tỳ-kheo. Nếu thiếu một người trong số hai mươi Tỳ-kheo mà làm pháp xuất tội, thì Tỳ-kheo ấy không khỏi tội, mà các Tỳ-kheo còn bị khiển trách.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Lúc ấy có hai người còn phải học, hai người còn là phàm phu, nằm mộng xuất tinh. Họ đều suy nghĩ: “Đức Thế Tôn chế giới, ai cố ý làm xuất tinh thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa. Nay chúng ta có lẽ đã phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa chẳng? Ta phải đem việc này thưa đầy đủ với Tôn giả Xá-lợi-phất. Xá-lợi-phất sẽ hỏi Thế Tôn, Phật có dạy thế nào thì ta sẽ phụng hành”. Thế rồi các Tỳ-kheo bèn đi đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, đem mọi sự tình trình bày với Xá-lợi-phất. Xá-lợi-phất liền dẫn các Tỳ-kheo đến chỗ Đức Thế Tôn.

Rồi Tôn giả Xá-lợi-phất bạch với Phật: “Bạch Thế Tôn! Bốn Tỳ-kheo này bị xuất tinh trong giấc mộng, liền sinh nghi ngờ: “Thế Tôn đã chế giới, vậy có lẽ ta đã phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa chẳng?” Cho nên con đến đây bạch với Thế Tôn. Bạch Thế Tôn! Vậy việc ấy như thế nào?”. Phật liền bảo với Xá-lợi-phất: “Mộng vốn là hư vọng, không

thật; nếu mộng mà chân thật, thì những người tu phạm hạnh trong giáo pháp của ta sẽ không có ai giải thoát. Nay Xá-lợi-phất! Vì tất cả mộng mị đều không chân thật, cho nên những người tu phạm hạnh trong giáo pháp của ta dứt được cội nguồn đau khổ”. Rồi Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo như sau:

- Nếu Tỳ-kheo cố ý làm xuất tinh thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa, trừ ra trong giấc mộng.

GIẢI THÍCH:

Cố ý: Cố tình tìm phương tiện.

Xuất tinh: Chảy ra những thứ bất tịnh.

Trừ ra trong giấc mộng: Đức Thế Tôn nói: Xuất tinh trong giấc mộng không có tội.

Tăng-già-bà-thi-sa: Tăng già là bốn pháp Ba-la-di (?) Bà-thi-sa là tội còn lại cần phải làm pháp yết-ma trị phạt, nên gọi là Tăng-già-bà-thi-sa. Lại nữa, tội ấy phải phát lồ sám hối giữa Tăng, nên cũng gọi là Tăng-già-bà-thi-sa.

Mộng: Gồm có năm thứ sau đây:

1. Mộng thật.

2. Mộng không thật.

3. Mộng không rõ ràng.

4. Mộng trong mộng.

5. Trước tưởng đến rồi sau mới có mộng. Đó là năm thứ mộng. Nhưng thế nào là mộng thật?

Mộng thật: Đó là Đức Như Lai khi làm Bồ tát thấy năm giấc mộng như thật không khác chút nào. Đó gọi là mộng thật.

Mộng không thật: Khi (người ta nằm ngủ) thấy mộng, nhưng lúc thức dậy thì không thật. Đó gọi là mộng không thật.

Mộng không rõ ràng: Như giấc mộng không ghi nhớ được đầu, giữa và cuối. Đó gọi là mộng không rõ ràng.

Mộng trong mộng: Như nằm thấy mộng rồi đem giấc mộng ấy nói với người khác cũng trong mộng. Đó gọi là mộng trong mộng.

Trước tưởng đến rồi sau mới có mộng: Như ban ngày tưởng đến việc gì rồi ban đêm nằm thấy mộng việc đó. Đó gọi là trước tưởng rồi sau mộng.

Bây giờ nói về năm nguyên nhân phát sinh dâm dục: Mắt thấy sắc đẹp sinh ra nhiễm vương, ưa thích, rồi tưởng đến sự dâm dục. Cũng

vậy, tai, mũi, lưỡi, thân nhiễm vương tư tưởng giao hoan với người nữ, rồi sau nung nấu liên tục mà sinh tâm dâm dục. Đó gọi là năm nguyên nhân phát sinh sự dâm dục.

Còn nam căn (dương vật) cương cứng có năm nguyên nhân: Do tâm ham muốn mà cương cứng, do đi cầu mà cương cứng, do đi tiểu mà cương cứng, do bệnh phong mà cương cứng, hoặc do loài phi nhân xúc chạm mà cương cứng. Đó gọi là năm nguyên nhân khiến cho nam căn cương cứng.

Thủ dâm cho xuất tinh có ba việc: Vì có tâm dâm dục, vì muốn lấy tinh dịch, hoặc vì muốn khoái lạc nên thủ dâm. Hoặc tự nghĩ: “Lâu nay không thông thoát nên sinh ra bệnh hoạn”, hoặc vì muốn được thông thoát, hoặc vì đùa nghịch, hoặc để thí nghiệm, hoặc chưa từng làm nên làm thử, hoặc tự mình thủ dâm cho xuất tinh”. Đó gọi là thủ dâm cho xuất tinh. Tinh có các màu: màu sữa tươi, màu sữa chua, màu sữa đông lạnh, màu dầu, hoặc màu xanh, vàng, đỏ, trắng. Nếu một trong các màu ấy vọt ra thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Trong tâm khởi dâm dục làm cho nam căn cương cứng, tưởng chừng như sẽ xuất tinh, nhưng nếu không thủ dâm thì tinh không xuất. Đó là do lỗi của tâm. Nếu tâm dục sinh khởi nam căn như muốn xuất tinh, rồi thủ dâm nhưng tinh không xuất, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Vì tâm dục sinh khởi, nam căn muốn xuất tinh, rồi thủ dâm mà tinh xuất thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu tâm dục sinh khởi, nam căn không muốn xuất tinh và không cố ý thủ dâm nên tinh không xuất, thì không có tội. Khi đi đại tiện, tiểu tiện, hoặc bị bệnh phong hoặc phi nhân xúc chạm mà nam căn cương cứng cũng đều như thế.

Nếu tâm dục sinh khởi, bèn tưởng đến nam căn xuất tinh, rồi cố ý thủ dâm, tinh sắp vọt ra, nhưng không vọt ra ngoài, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu tâm dục sinh khởi, rồi tưởng tượng nam căn xuất tinh, nhưng không thủ dâm, nên tinh không xuất, thì phải trách tâm.

Nếu tâm dục sinh khởi, nhưng không tưởng tượng nam căn xuất tinh, rồi thủ dâm mà tinh không xuất, thì cũng phải trách tâm.

Nếu tâm dục sinh khởi, nhưng không tưởng tượng nam căn xuất tinh, không cố ý thủ dâm mà tinh xuất, thì cũng phải trách tâm.

Nếu tâm dục sinh khởi, bèn tưởng đến xuất tinh, rồi thủ dâm mà tinh xuất, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa. Cho đến trường hợp phi nhân xúc chạm.v.v.. cũng như vậy.

Trường hợp xuất tinh hoặc thân, hoặc thân phần, hoặc thân hợp.

Thân: Tất cả toàn thân dao động, khi ấy tạo điều kiện cho tinh xuất, và tinh xuất ra, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Thân phần: Hoặc dùng tay, hoặc dùng gót chân, hoặc dùng bắp tay, khuỷu tay, tạo điều kiện cho tinh xuất thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Thân hợp: Gồm có các chất địa, thủy, hỏa, phong.

Chất địa: Như giường, hoặc mền, hoặc vách tường, hoặc bông cây, hoặc ống tre v.v... nếu dùng các vật cứng ấy chạm vào nam căn để cho xuất tinh, mà tinh xuất ra thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Chất nước: Hoặc dùng các dòng nước chảy ngược chạm vào nam căn, hoặc dùng nam căn nhúng vào các chất sữa dầu hay các vật ẩm ướt ở trong nước, muốn cho tinh xuất mà tinh xuất, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Chất lửa: Hoặc để nam căn vào chỗ nóng, hoặc áp vật nóng vào nam căn, hoặc hướng đến ngọn lửa, hướng về ánh nắng, muốn cho tinh xuất mà tinh xuất, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Chất gió: Hoặc dùng miệng thổi, hoặc dùng quạt quạt, hoặc dùng vải phất qua, chạm đến nam căn muốn cho tinh xuất, mà tinh xuất thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo bảo người khác: “Ông hãy thủ dâm tôi để cho xuất tinh”, mà tinh xuất, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Hoặc nói với người ta: “Ông chờ đợi tôi phải nói, ông từng biết việc đó mà”. Sau đó, người ấy thủ dâm giúp mà tinh xuất, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo ở những nơi thanh vắng, trông thấy cầm thú giao phối, thấy rồi tâm dục sinh khởi, rồi bị xuất tinh thì phải trách tâm. Nếu vì thích hưởng khoái lạc mà tìm cách chạy theo xem cầm thú giao phối, muốn cho tinh xuất, mà tinh xuất thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu có người dùng sức mạnh thủ dâm Tỳ-kheo khiến cho xuất tinh, thì Tỳ-kheo phải tự trách tâm. Nếu vì muốn khoái lạc, bèn đến người kia bảo họ thủ dâm giúp, mà tinh xuất thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo vào xóm làng, thấy kẻ nam nữ hành dâm, thấy rồi, tâm dục sinh khởi nên xuất tinh, thì phải tự trách tâm. Nếu vì muốn khoái lạc mà chạy theo xem, khiến cho tinh xuất, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo thấy thợ cất nhà cho dâm nữ, liền suy nghĩ: “Nơi

đó chính là để làm việc dâm dục chứ đâu có việc gì khác nữa”, do thế, tâm dục sinh khởi, rồi xuất tinh, thì phải tự trách tâm mình. Nhưng nếu vì ham vui cố ý đến xem, khiến cho tinh xuất, thì phạm tội Tăng-già- bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo trông thấy phụ nữ tắm lửa thể, thấy rồi tâm dục sinh khởi mà xuất tinh, thì phải tự trách mình. Nhưng nếu vì ham vui cố ý đến xem, khiến cho tinh xuất thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa. Hoặc thấy đàn ông lửa thể... cũng như thế.

Nếu Tỳ-kheo đang đi đường mà tâm dục sinh khởi, rồi xuất tinh thì phải tự trách tâm mình. Nhưng nếu trong khi đi cố tạo điều kiện khiến cho tinh xuất, rồi tinh xuất ra thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa... Như lúc đi, đứng, ngồi, nằm... cũng như thế. Nếu do thoa dầu để tắm mà tinh xuất thì phải tự trách tâm mình. Bằng cố ý tạo phương tiện thoa dầu để tắm mà tinh xuất, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Thế nên, Đức Thế Tôn nói:

- Nếu Tỳ-kheo cố ý thủ dâm mà tinh xuất, thì phạm tội Tăng-già- bà-thi-sa, ngoại trừ trong giấc mộng.

(Hết giới Tăng tàn thứ nhất).